

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị O, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Số 77, đường N1, tổ 21, khu 3, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị O trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn Ph tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/8/2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cãi vã nhau; kinh tế gia đình khó khăn, ai làm có thu nhập người đó tự chi tiêu không tập trung kinh tế gia đình. Từ tháng 5/2018 vợ chồng anh chị sống ly thân

cho đến nay. Trong thời gian đó chị đã cố gắng điện thoại nói chuyện với anh Ph để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có tiến triển. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Ph là không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Văn Ph.

Tại bản tự khai đề tháng 06/2023, bị đơn anh Phạm Văn Ph trình bày:

Anh và chị Trần Thị O đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh không có hạnh phúc nên chị O đề nghị ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị O và anh Ph đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Băng D, sinh ngày 15/12/2016; hiện tại chị O đang nuôi cháu D. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu đang học tại trường tiểu học xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ly hôn, chị O và anh Ph đề nghị tiếp tục giao cháu D cho chị O nuôi dưỡng và anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị O.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị O không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Anh Ph xác định về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị O đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Văn Ph có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O với anh Ph. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị O và anh Ph.

2. Về con chung: Giao cho chị O được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Băng D, sinh ngày 15/12/2016; anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị O.

3. Về các vấn đề khác: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O và anh Ph phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị O đề nghị ly hôn anh Phạm Văn Ph, đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị O có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị đơn anh Ph có hộ khẩu thường trú tại Ấp 5, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau và nơi cư trú: Số 77, đường N1, tổ 21, khu 3, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên chị O, anh Ph có văn bản tự thỏa thuận với nhau đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam giải quyết tranh chấp trên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Ph có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị O và anh Phạm Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/8/2016 (Số 117/2016 ngày 12/8/2016), nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị O cho rằng là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cãi vã nhau; kinh tế gia đình khó khăn, ai làm có thu nhập người đó tự chi tiêu không tập trung kinh tế gia đình. Từ tháng 5/2018 vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay. Anh Ph xác định vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị O đề nghị ly hôn, anh Ph đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị O và anh Ph là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị O và anh Ph đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Băng D, sinh ngày 15/12/2016; hiện tại chị O đang nuôi cháu D. Ly hôn, chị O và anh Ph đề nghị tiếp tục giao cháu D cho chị O nuôi dưỡng. Chị O

không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu D do chị O nuôi dưỡng. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị O có nơi ăn ở ổn định cùng bố mẹ đẻ ở thôn A, xã A và là công nhân thuộc công ty TNHH giày da Ng mức thu nhập ổn định là 8 đến 9 triệu đồng một tháng. Hiện cháu D đang học tại Trường tiểu học xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Do vậy để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi của cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị O, anh Ph; giao cho chị O nuôi dưỡng cháu D, anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị O.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị O không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Anh Ph xác định về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị O và anh Phạm Văn Ph; mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị O xin chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Ph.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Phạm Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Băng D, sinh ngày 15/12/2016 cho chị Trần Thị O nuôi dưỡng; anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị O.

Chị O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Băng D.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị O chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Phạm Văn Ph. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị O đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai số AA/2021/0000500 ngày 12/5/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (chị O và anh Ph đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Phạm Văn Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng